TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

Bản án số 32/2018/HSST
Ngày 27 tháng 06 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH N

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Hà Thiện Thành**
***Các hội thẩm nhân dân*:**
Ông **Trần Xuân Thái**
Ông **Đinh Công Hiến**

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông **Hứa Công Nguyên** - là thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N tham gia phiên toà: Ông **Phạm Công Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 27/06/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2018/HSST ngày 01/06/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 06 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Lê Thị N, sinh năm 1974; tại xã G, huyện V, tỉnh N; trú tại xóm 5, xã G, huyện V, tỉnh N; nghề nghiệp: Giáo Viên; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thế V và bà Phạm Thị Y; chồng Đinh Văn Đ, sinh năm 1974 (đã ly hôn) và có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 23/02/2018 tới nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh N. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Phạm Lý T, sinh năm 1996; tại xã G, huyện V, tỉnh N; trú tại thôn V, xã G, huyện V, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B và bà Vũ Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 23/02/2018 tới nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh N. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

*** Người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Ông **Đinh Văn Đ,** sinh năm 1974; trú tại xóm 5, xã G, huyện V, tỉnh N. Có mặt tại phiên toà.

Anh **Phạm Thế C,** sinh năm 1981; trú tại tổ 6, phường L, thành phố P, tỉnh H. Vắng mặt tại phiên toà.

Bà **Phạm Thị Y,** sinh năm 1948; trú tại thôn V, xã G, huyện V, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên toà.

Anh **Đinh Bảo A,** sinh ngày 06/5/2000; trú tại xóm 5, xã G, huyện V, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lê Thị N và anh Đinh Văn Đ sinh năm 1974 là vợ chồng và đều trú tại xóm 5, xã G, huyện V, giữa N và anh Đ nảy sinh mâu thuẫn với nhau nên ngày 10/02/2018 N đã về nhà mẹ đẻ là bà Phạm Thị Y sinh năm 1948, trú tại thôn V, xã G, huyện V để ở và chờ Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng N vẫn cầm chìa khóa nhà chung của hai vợ chồng. Chiều ngày 17/02/2018, Phạm Lý T (là cháu họ của N) cùng gia đình đến nhà bà Y chơi chúc tết, trong lúc ngồi nói chuyện N kể với T là bị chồng đánh đập nên phải về nhà bà Y ở, N còn nói có một số khách hàng nợ tiền N nhưng chưa trả, ý muốn nhờ T đi đòi nợ giúp và hứa hẹn sẽ cho T tiền nếu đòi được để mua xe máy. Đến buổi tối cùng ngày, T nhắn tin cho N với *"Bây giờ nó tệ như vậy, cháu cho nó hai phương án, một là tặng nó cái xe lăn, hai là cho nó đi tù đúng pháp luật"*, N hỏi lại *"Bằng cách nào"* thì T trả lời *"Nhắn tin qua điện thoại khó nói lắm, lúc nào gặp trực tiếp cô cháu nói chuyện"*.

Ngày 18/02/2018, N và T gặp nhau ở quán nước và thống nhất với nhau là sẽ mua ma túy bỏ vào nhà anh Đ sau đó sẽ báo công an đến bắt anh Đ. Sáng ngày 19/02/2018, T gặp Tạ Đức G sinh năm 1984, trú tại thôn V, xã G, huyện V (là bạn của T) và kể cho G nghe việc đã bàn với N và nhờ G đi mua hộ ma túy, G đồng ý và mua hộ 01 gói nhỏ gói ngoài bằng ni lông mầu trắng bên trong có đựng tinh thể mầu trắng và 02 viên nén mầu vàng nhạt rồi đưa cho T. Khoảng 16h30' ngày 19/02/2018, T cầm theo gói ma túy và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát ***** đến nhà bà Y để gặp N, khi gặp nhau N đeo 01 đôi găng tay cao su mầu trắng và đưa cho T lấy 01 đôi găng tay cao su trong túi sách mầu đỏ của mình đưa cho T đeo để khi cầm gói ma túy không để lại vân tay rồi nói *"Có hàng không đưa cô xem"*, T đưa gói ma túy cho N xem. Sau khi xem xong N nói *"Sao ít vậy, thế này có đủ không, có cần gọi người kiểm tra xem hàng thật hay hàng giả không"*, T trả lời lại *"Cô yên tâm chỗ anh em tin tưởng không phải kiểm tra"*. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát ****** chở N đến nhà anh Đ ở xóm 5, xã G. Khi đến nơi, phát hiện trong nhà không có người, N cầm chìa khóa mở cửa đi vào trong phòng khách, rút ổ điện của camera giám sát rồi lấy chìa khóa tủ để ở túi sách mầu đỏ của mình mang theo từ trước mở ngăn tủ dưới cùng phía bên trái của tủ ti vi kê ở gian phòng khách để T cầm gói ma túy bỏ vào góc trong cùng phía bên phải của ngăn tủ, sau đó N khóa cửa tủ lại đi về. Khi đi đến gian nhà ngoài, N nhìn thấy

chiếc xe mô tô biển kiểm soát ******* đang dựng nên đã bảo T lấy chiếc xe đem đi bán, nhưng do không cầm theo chìa khóa chiếc xe mô tô này nên N đã khóa cửa nhà lại và cả hai đi về nhà bà Y lấy chìa khóa xe mô tô và lấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha (chưa có biển số) của N để T chở N quay trở lại nhà anh Đ, còn xe mô tô biển kiểm soát ****** của T để lại nhà bà Y. Khi đến nơi, N mở cửa để T dắt xe mô tô biển kiểm soát ***** đi ra ngoài, sau đó N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha (chưa có biển số), T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát ***** đi về phía xã G. Đi đến trạm bơm thôn V, xã G, N bảo T dừng xe, mở cốp xe mô tô biển kiểm soát ***** thì thấy trong cốp có 01 áo mưa mầu đỏ, 01 quyển sổ và một số giấy tờ khác. Sau đó, T dựng xe mô tô biển kiểm soát ***** T ở bên đường, rồi cùng đi xe của N về nhà bà Y để lấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát ***** đem đi bán. Khi T hỏi N có số điện thoại của công an để báo tin trong nhà anh Đ có ma túy thì N đã đọc cho T lưu số điện thoại của anh Hà Trường G - Đội trưởng Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy và số điện thoại của anh Trần Ngọc T (là cán bộ Công an huyện phụ trách xã G) để T lưu vào danh bạ điện thoại. Sau đó, N đi vào nhà bà Y rồi cất đôi găng tay cao su ở bếp, còn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát ******đi ra đường Tiến Yết (đi về phía xã G). Khi đi đến khu vực cổng thôn V, xã G thì dừng xe, tháo găng tay ném bên đường rồi điện thoại và nhờ Đào Văn T sinh năm 1989, trú tại thôn V, xã G điều khiển xe của anh Đ đến quán cầm đồ ở thôn N, xã T, huyện T, tỉnh H thỏa thuận bán chiếc xe mô tô cho anh Phạm Thế C sinh năm 1981, trú tại Tổ 6, phường L, thành phố P, tỉnh H được 5.000.000 đồng, nhưng anh C mới đưa trước cho T 2.500.000 đồng, số tiền còn lại hẹn trả sau. Khoảng 20h34' ngày 19/02/2018, Phạm Lý T dùng số điện thoại **********_inh Văn Đ, xóm 5 đường DT477, G, V, N có hiệu sơn EMAX, xe du lịch B có giấu chất ma túy trong nhà anh ơi"_; sau đó tiếp tục dùng số thuê bao trên gọi điện cho cháu Đinh Bảo A sinh năm 2000 (là con trai của N và anh Đ) dặn Bảo A cứ đi chơi điện tử thâu đêm và đừng về nhà vì ở nhà đang có ma túy, về là bị công an bắt. Sau khi nhận được tin nhắn, anh Hà Trường G gọi điện lại cho T để hẹn gặp xác minh cụ thể nhưng T đã từ chối và nói gói ma túy được cất giấu ngăn tủ đựng ti vi. Khoảng 21h cùng ngày, cháu Bảo A đi về nhà, thấy cửa khóa nên Bảo A đã điện cho anh Đ về mở cửa. Khi anh Đ đi về nhà mở cửa, thì Bảo A có nói lại cho anh Đ về việc có người lạ gọi điện dặn đừng về nhà vì trong nhà có ma túy công an sắp đến bắt, anh Đ nói cháu Bảo A gọi điện lại vào số máy của T nhưng T chỉ nói đừng về nhà và không xưng tên. Cùng lúc đó, anh Đ phát hiện bị mất chiếc xe mô tô biển kiểm soát ***** nên đã đến Công an huyện trình báo về việc mất trộm tài sản. Đến sáng ngày 20/02/2018, anh Đ đến Công an huyện trình báo về việc có người lạ gọi điện cho cháu Bảo A trong nhà anh Đ có ma túy và đề nghị Công an huyện V giải quyết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tổ chức kiểm tra và phát hiện tại ngăn tủ ti vi phòng khách nhà anh Đ có 01 gói ni lông bên trong chứa một số tinh thể mầu trắng và 02 viên nén mầu vàng nghi là chất ma túy.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tiến hành niêm phong gói 01 gói ni lông bên trong chứa một số tinh thể mầu trắng và 02 viên nén mầu vàng nghi là chất ma túy và ký hiệu các hạt tinh thể mầu trắng là M1, ký hiệu 02 viên nén mầu vàng là M2 - để quyết định trưng cầu giám định chất ma túy và khối lượng ma túy.

Tại Bản kết luận giám định số 41/KLGĐ-PC54-MT ngày 21/02/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N, kết luận:

"- Mẫu chất dạng tinh thể mầu trắng gửi giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,6043 gam, là ma túy loại Methamphetamine.

- Mẫu hai viên nén hình tròn mầu vàng ký hiệu M2 gửi giám định có tổng trọng lượng là 0,4767 gam, không tìm thấy chất ma túy thường gặp (Heroine, Morphine, Thuốc viện, Methamphetamine, MDMA, Ketamine, Cần sa)

Methamphetamine là chất ma túy thuộc bảng Danh mục II, số thứ tự 67; Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ."

Hoàn lại đối tượng giám định gồm:

- 0,4802 gam chất dạng tinh thể mầu trắng trong mẫu ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, loại methamphetamine.

- 0,2961 chất bột màu vàng trong mẫu ký hiệu M2 gửi giám định không tìm thấy các chất ma túy thường gặp (Heroine, Morphine, Thuốc viện, Methamphetamine, MDMA, Ketamine, Cần sa).

- Toàn bộ vỏ bao gói trong phong bì niêm phong ban đầu.

Tất cả được niêm phong trong 01 phong bì ghi số 41/2018/GĐMT theo đúng quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 32/CT-VKS-GV ngày 31/05/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố ***Lê Thị N, Phạm Lý T*** ra trước Tòa án nhân dân huyện V để xét xử về tội **"Tàng trữ trái phép chất ma túy"**, theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị N, Phạm Lý T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xác nhận nội dung bản cáo trạng truy tố các bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" là đúng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Đinh Văn Đ trong quá trình điều tra và tại phiên tòa trình bày: Anh và Lê Thị N là vợ chồng, trong cuộc sống thường xuyên nẩy sinh mâu thuẫn, không hạnh phúc, nên khoảng đầu năm 2018, anh Đ và N đang trong thời gian làm thủ tục giải quyết ly hôn thì Lê Thị

N và Phạm Lý T lấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát ***** mang đi bán. Ngày 20/02/2018 cơ quan Công an đã phát hiện và thu giữ tại ngăn tủ ti vi, trong phòng khách nhà anh Đ 01 gói ni lông bên trong có 0,6043 gam Methamphetamine và 02 viên nén mầu vàng, sau khi vụ án xảy ra anh mới biết do N và T bỏ vào để vu khống cho anh. Trong quá trình điều tra, cơ quan Công an đã thu giữ và trả lại cho anh gồm: Xe mô tô biển kiểm soát ***** và Giấy đăng ký xe mang tên Đinh Văn Đ; 01 quyển sổ bìa cứng mầu đỏ kích thước (14x20)cm; 01 áo mưa mầu đỏ sẫm, 01 mũ bảo hiểm; 01 ổ khóa bằng kim loại cắm trên ổ khóa có 01 chìa khóa trên mặt ghi chữ Việt-Tiệp; 01 hộp bánh nhãn hiệu "LU" vỏ bằng bìa cát tông kích thước (24x24x10)cm; 02 hộp mứt sen trần; 01 hộp trà Lipton, 01 hộp bánh, 03 khay nhựa, 05 tờ danh thiếp của nhà phân phối sơn B. Anh không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự và có đơn không yêu cầu khởi tố về hành vi vu khống của N và T.

Anh Phạm Thế C tại Cơ quan Cảnh sát điều tra trình bày: Ngày 19/02/2018, Phạm Lý T có thế chấp cho anh C 01 xe mô tô biển kiểm soát *****, để vay số tiền là 5.000.000 đồng; anh C đã đưa cho T 2.500.000 đồng số tiền còn lại anh C chưa đưa cho T, sau khi vụ án xảy ra anh mới biết. Hiện anh đã giao nộp xe mô tô biển kiểm soát ***** cho cơ quan Công an và không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự.

Anh Đinh Bảo A trong quá trình điều tra trình bày: Anh là con ông Đinh Văn Đ và bà Lê Thị N, bố mẹ anh mâu thuẫn, đầu năm 2018 ông Đ và N đang trong thời gian làm thủ tục giải quyết ly hôn. Ngày 19/02/2018, Phạm Lý T có gọi điện thoại cho anh nói cứ đi chơi điện tử thâu đêm và đừng về nhà vì ở nhà đang có ma túy, về là bị công an bắt, sau đó anh đã nói với bố anh về việc này. Trong quá trình điều tra, cơ quan Công an đã thu giữ và trả lại cho anh 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37F lắp số thuê bao 096****** và anh không có ý kiến gì.

Bà Phạm Thị Y trong quá trình điều tra trình bày: Lê Thị N là con gái bà, do vợ chồng N mâu thuẫn với nhau nên đầu năm 2018 N có về nhà bà để ở và mua một số găng tay y tế bằng cao su, sau khi vụ án xảy ra bà mới biết. Hiện bà Y đã giao nộp cho cơ quan Công an và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố tại phiên tòa, phát biểu luận tội đã giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích đánh giá tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo ***Lê Thị N, Phạm Lý T*** phạm tội **"Tàng trữ trái phép chất ma túy"**. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị N từ 13 tháng đến 14 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/02/2018.

Xử phạt bị cáo Phạm Lý T từ 12 tháng đến 13 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/02/2018

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ghi số 41/2018/GĐMT, bên trong đựng: 0,4802 gam methamphetamine; 0,2961 gam chất bột màu vàng trong mẫu ký hiệu M2 gửi giám định không tìm thấy các chất ma túy thường gặp; toàn bộ vỏ bao gói niêm phong ban đầu; 02 chiếc chìa khóa, thu giữ của Lê Thị N; 19 chiếc găng tay cao su, thu giữ của bà Phạm Thị Y, là vật chứng không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, thu giữ của Lê Thị N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note4, thu giữ của Phạm Lý T, là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội,

Trả lại bị cáo Phạm Lý T số tiền 1.400.000 đồng là số tiền không liên quan đến việc phạm tội, nhưng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Lê Thị N, Phạm Lý T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng phạm, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với biên bản vụ việc, phù hợp với vật chứng của vụ án đã được thu hồi, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 19/02/2018, tại nhà anh Đinh Văn Đ, Lê Thị N ở xóm 5, xã G, huyện V, tỉnh Ni, Lê Thị N và Phạm Lý T có hành vi cất giấu trái phép 0,6043 gam methamphetamine nhằm mục đích vu oan cho anh Đinh Văn Đ.

Điều 249: Tội tàng trữ trái phép chất ma tuý.

‘‘1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma tuý mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma tuý thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm :

...

c) Hêrôin, côcaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

[3]. Hành vi của bị cáo Lê Thị N và Phạm Lý T đã nêu trên là phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma tuý, tác động rất xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm minh để giáo dục, cải tạo các bị cáo và là bài học răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Mức hình phạt áp dụng được căn cứ vào tính chất tội phạm, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án để quyết định cho phù hợp.

[5]. Đối với Lê Thị N, xuất phát từ mâu thuẫn với chồng là anh Đinh Văn Đ nên N đã chủ động bàn bạc với Phạm Lý T mua ma túy bỏ vào nhà anh Đ, nhằm mục đích vu khống cho anh Đ. Bản thân N cũng là người tích cực thực hiện hành vi phạm tội như mở khóa cửa nhà, mở khóa tủ, tắt camera để T bỏ ma túy vào nhà anh Đ. Vì vậy, Lê Thị N giữ vai trò chính trong vụ án.

[6]. Đối với Phạm Lý T, mặc dù không mâu thuẫn với anh Đinh Văn Đ, nhưng khi biết N và anh Đ mâu thuẫn với nhau, T đã cùng bàn bạc với N mua ma túy bỏ vào nhà anh Đ. Bản thân T là người trực tiếp đi mua ma túy và bỏ vào nhà anh Đ, cũng là người báo cơ quan Công an, nhằm mục đích vu khống cho anh Đ. Vì vậy, Phạm Lý T là đồng phạm, giữ vai trò sau bị cáo N.

[7]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Thị N và Phạm Lý T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả hai bị cáo được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đưa ra tại phiên tòa, đó là: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo N có bố mẹ, bị cáo T có bố là người có công với cách mạng, đều được tặng thưởng Huân, Huy chương trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

[9]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như nhân thân của từng bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, t□ơng xứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và nâng cao công tác phòng ngừa chung, để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[10]. Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện hoàn cảnh, gia đình của các bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 phong bì thư niêm phong theo quy định pháp luật bên trong đựng 0,4802 gam methamphetamine, 0,2961 chất bột màu vàng trong mẫu ký hiệu M2 gửi giám định không tìm thấy các chất ma túy thường gặp (Heroine, Morphine, Thuốc viện, Methamphetamine, MDMA, Ketamine, Cần sa), toàn bộ vỏ bao gói niêm phong ban đầu, là vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 02 chiếc chìa khóa, thu giữ của Lê Thị N là vật chứng không còn giá trị sử dụng; 19 chiếc găng tay cao su, thu giữ của bà Phạm Thị Y, trong đó có 01 đôi găng tay N sử dụng ngày 19/02/2018 là vật chứng của vụ án, số găng tay còn lại đã cũ không còn giá trị sử dụng nên N và bà Y không có yêu cầu nhận lại. Do vậy, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, thu giữ của Lê Thị N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note4, thu giữ của Phạm Lý T, là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, Cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 1.400.000 đồng thu giữ của Phạm Lý T, do anh Phạm Thế C không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự. Do vậy, cần trả lại cho T, nhưng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[12] Đối với xe mô tô biển kiểm soát ******, Phạm Lý T sử dụng để mua ma túy và chở Lê Thị N mang ma túy bỏ vào nhà anh Đinh Văn Đ ngày 19/02/2018. Quá trình điều tra xác định, chiếc xe mô tô trên là tài sản hợp pháp của ông Phạm Văn B sinh năm 1963, trú tại thôn V, xã G, huyện V (bố đẻ Phạm Lý T). Việc T sử dụng xe mô tô vào việc phạm tội ông B không biết, do đó không có cơ sở để thu giữ và xử lý đối với xe mô tô nêu trên.

Đối với 03 quyển sổ nhỏ ghi thông tin khách hàng về việc mua bán sơn, 15 tờ hóa đơn mua bán sơn, bảng sơn màu anh Đ bỏ ở cốp xe mô tô biển kiểm soát ***** ngày 19/02/2018. Quá trình điều tra xác định toàn bộ số sổ sách, giấy tờ nêu trên, T bỏ vào 01 túi ni lông màu trắng đưa cho Đào Văn T1, sau đó T1 cầm túi ni lông này đi, chưa xác định được ở đâu. Ngoài ra, anh Đ xác định số sổ sách, giấy tờ trên không có giá trị sử dụng nên không yêu cầu nhận lại.

Đối với đôi găng tay cao su, Phạm Lý T ném ở khu vực khu vực cổng thôn V, xã G ngày 19/02/2018. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

[13]. Ngoài hành vi phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", thì Lê Thị N, Phạm Lý T còn có dấu hiệu của "Tội vu khống", quy định tại khoản 1 Điều 156 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên anh Đinh Văn Đ có đơn không yêu cầu khởi tố về hành vi vu khống của N và T.

Đối với việc Lê Thị N, Phạm Lý T mang xe mô tô biển kiểm soát *****, đi thế chấp để vay tiền anh Phạm Thế C ngày 19/02/2018. Quá trình điều tra xác định, chiếc xe mô tô trên là tài sản chung của N và anh Đ. Do vậy, không đủ căn cứ để xử lý hành vi trộm cắp tài sản đối với N và T.

[14] Về nguồn gốc số ma túy, Phạm Lý T khai do Tạ Đức G, sinh năm 1984, trú tại thôn V, xã G, huyện V, tỉnh N mua hộ ma túy cho T ngày 19/02/2018; Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã triệu tập G nhiều lần, nhưng G đều không có mặt tại địa phương, nên cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu liên quan đến Tạ Đức G để điều tra, xử lý sau.

[15] ***Về án phí***: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[16] ***Về quyền kháng cáo***: Bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo ***Lê Thị N, Phạm Lý T*** phạm tội "***Tàng trữ trái phép chất ma túy***".

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Thị N** 13 (mười ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 23/02/2018.

Xử phạt bị cáo **Phạm Lý T** 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 23/02/2018.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ghi số 41/2018/GĐMT, bên trong đựng: 0,4802 gam methamphetamine; 0,2961 gam chất bột màu vàng trong mẫu ký hiệu M2 gửi giám định không tìm thấy các chất ma túy thường gặp (đối tượng sau giám định); toàn bộ vỏ bao gói niêm phong ban đầu, là vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành; 02 chiếc chìa khóa, thu giữ của Lê Thị N; 19

chiếc găng tay cao su, thu giữ của bà Phạm Thị Y, là vật chứng không còn giá trị sử dụng.

+ Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, thu giữ của Lê Thị N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note4, thu giữ của Phạm Lý T, là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội,

+ Trả lại bị cáo Phạm Lý T số tiền 1.400.000 đồng là số tiền không liên quan đến việc phạm tội, nhưng vẫn tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án. (Số tiền trả lại cho bị cáo gửi tại tài sản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Đặc điểm các vật chứng tịch thu tiêu hủy, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 01/06/2018, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

3. ***Về án phí:***

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Lê Thị N, Phạm Lý T mỗi người phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND huyện V;
- Trại tạm giam CA tỉnh N;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Bị cáo; Ng- ời có QLNVLQ;
- L- u hồ sơ, văn phòng;
(Thông báo cho chính quyền địa ph- ơng nơi bị cáo c- trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hà Thiện Thành